

## TÁC ĐỘNG CỦA CHIẾN TRANH VIỆT NAM ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HÀN QUỐC (1965 - 1971)

Hoàng Văn Hiến, Lê Nam Trung Hiếu\*

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Huế

\*Email: seta098@gmail.com

### TÓM TẮT

Thập niên 60 của thế kỷ XX chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Hàn Quốc, từ một quốc gia còn gặp khó khăn về nhiều mặt chuyển mình trở thành một trung tâm sản xuất và xuất khẩu hàng hóa lớn của khu vực. Sự vươn lên của Hàn Quốc là kết quả của một quá trình vận động bên trong tích cực và được chuẩn bị kỹ lưỡng, đồng thời chịu sự tác động từ nhiều nhân tố bên ngoài, trong đó cuộc Chiến tranh Việt Nam (1954 - 1975) đóng vai trò quan trọng như một chất xúc tác mạnh mẽ về kinh tế. Trong bài viết này, chúng tôi cố gắng bước đầu đi sâu phân tích những tác động ngắn hạn cũng như dài hạn của cuộc Chiến tranh Việt Nam đối với sự phát triển kinh tế Hàn Quốc giai đoạn 1965 - 1971, đưa đến một cách tiếp cận khác trong nghiên cứu “kỳ tích sông Hàn”.

**Từ khóa:** Việt Nam, kinh tế Hàn Quốc, viện trợ, Mỹ.

Khi bàn về các nhân tố khách quan tác động đến giai đoạn cất cánh kinh tế lần thứ nhất (1961 - 1979) của Hàn Quốc, một số nhà nghiên cứu nước ngoài và Việt Nam cho rằng cuộc Chiến tranh Việt Nam (1954 - 1975) về khách quan đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế và giải quyết một số vấn đề xã hội ở Hàn Quốc<sup>1</sup>. Nhưng cách luận giải vấn đề này giữa các nhà nghiên cứu có sự khác nhau, trong đó, nhiều công trình chỉ mới đề cập mà chưa có điều kiện đi sâu phân tích nhân tố khách quan này.

Với bài viết dưới đây, chúng tôi mong muốn được góp phần nhỏ vào việc phân tích tác động của cuộc Chiến tranh Việt Nam đối với sự phát triển kinh tế Hàn Quốc trong giai đoạn 1965 - 1971.

### 1. Tình hình kinh tế Hàn Quốc giai đoạn 1948 - 1965 và quyết định tham chiến tại Việt Nam của Hàn Quốc

#### 1.1. Vài nét về tình hình kinh tế Hàn Quốc giai đoạn 1948 - 1965

Ngay từ khi quân đội Mỹ tiếp quản vùng đất phía Nam vĩ tuyến 38 bán đảo Triều Tiên từ tay người Nhật, khu vực này đã trở thành một bộ phận then chốt trong hệ thống quan hệ quốc

<sup>1</sup> Như các công trình của Cole, Darrid và Lyman, Walden Bell và Stephanie Rosenfeld, Yoshihara Kunio, Park Kim Ho; Trần Khánh, Hoàng Văn Hiến...

tế thời kỳ trật tự hai cực Yalta. Bán đảo Triều Tiên, cùng với bán đảo Đông Dương và khu vực Trung Đông đã trở thành tuyến đầu xung đột và tranh giành ảnh hưởng của hai cực, trong đó Liên Xô và Mỹ là hai đại diện thông qua những cuộc chiến tranh cục bộ, hay còn gọi là “*các cuộc chiến tranh ủy nhiệm*” (proxy wars) mà Chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953) là một điển hình. Kết quả của cuộc chiến này là tình trạng chia cắt của bán đảo Triều Tiên (cho đến ngày nay), đi kèm là tình trạng phụ thuộc kéo dài của Hàn Quốc đối với Mỹ trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng và nhất là kinh tế cho đến đầu thập niên 60 của thế kỷ XX. Trước năm 1965, bất chấp mọi nỗ lực của giới cầm quyền, tương lai của nền kinh tế Hàn Quốc nhìn chung không có nhiều tín hiệu lạc quan. Viện trợ Mỹ dưới thời Syn Man Rhee (Lý Thừa Vãn) là yếu tố mang tính sống còn để đảm bảo an sinh xã hội và phát triển đất nước. Sự phụ thuộc vào viện trợ Mỹ (lúc này chiếm tới một nửa ngân sách quốc gia) đã sản sinh ra một nền kinh tế què quặt và yếu kém ở Hàn Quốc. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc gia (GNP) giảm nhanh trong giai đoạn 1957 – 1960. Mô hình hướng nội với chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu ở Hàn Quốc bên cạnh những kết quả nhất định như sự hình thành môi trường kinh tế hàng hóa với một hệ thống pháp luật riêng của người Hàn Quốc, sự xuất hiện đội ngũ doanh nghiệp dân tộc và lực lượng lao động có tay nghề khá... ngày càng bộc lộ rõ những hạn chế. Thương mại rơi vào tình trạng thiếu hụt, nền kinh tế vẫn phụ thuộc vào nhập khẩu, nợ nước ngoài tăng và không có khả năng trả nổi. Xuất khẩu mới chỉ đạt 1% thu nhập quốc dân, tích lũy hầu như chưa có và vốn đầu tư phát triển chủ yếu vẫn dựa vào Mỹ và nước ngoài. Tình hình xuất khẩu kém dẫn đến bổ sung ngoại tệ kém, khả năng tiếp nhận kỹ thuật tiên tiến bị hạn chế kéo theo sự trì trệ, lạc hậu của ngành sản xuất, cơ cấu kinh tế bị mất cân đối<sup>2</sup>. Khoảng 1/5 người trong độ tuổi lao động thất nghiệp tạo ra sự bất ổn trầm trọng trong xã hội. Đầu năm 1960 “*cuộc cách mạng dân chủ*”, còn gọi là “*cuộc cách mạng sinh viên*”, nổ ra buộc Tổng thống Syn Man Rhee phải từ chức. Nền Cộng hòa thứ hai của Hàn Quốc được thiết lập ngay sau đó vẫn không thể giải quyết ổn thỏa những di sản để lại từ thời kỳ trước, thậm chí còn có khả năng đẩy đất nước lún sâu vào một cuộc khủng hoảng chính trị toàn diện. Trước tình hình ấy, giới quân sự thấy cần phải gấp rút hành động bằng cuộc đảo chính quân sự.

Ngày 16/5/1961, tướng Park Chung Hee tiến hành đảo chính trong bối cảnh Hàn Quốc đang gặp vô vàn khó khăn, đặc biệt về kinh tế: “*Hàn Quốc đang ở trong tình trạng gần như hoàn toàn sụp đổ*”<sup>3</sup>. Park Chung Hee tuyên bố “*Nền lập pháp dân chủ phương Tây không hợp được với điều kiện kém phát triển của Hàn Quốc*” để biện minh cho hành động đảo chính. Park kiểm soát tài chính và các thành phố lớn, đàn áp các nhà chính trị khác thông qua truy tố tội tham nhũng, đưa tầng lớp doanh nhân vào tầm ảnh hưởng của nhà nước (Luật 14/6). Ông đề ra một chủ nghĩa phát triển mới cho Hàn Quốc, tập trung mọi nguồn lực và sức mạnh chính trị cho việc phát triển kinh tế. Để thực hiện mục tiêu quan trọng này, Hàn Quốc thực hiện “*chủ nghĩa*

---

<sup>2</sup>Hoàng Văn Hiến (2008). *Quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Hàn Quốc (1961 - 1993) và kinh nghiệm đối với Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.31-35.

<sup>3</sup> Iain Pirie (2004). *The Korean Developmental State: From Dirigisme to Neo-Liberalism*, Routledge, UK, p.66.

tu bản định hướng” cho phép nhà nước thực hiện kế hoạch tập trung và can thiệp sâu vào thị trường, thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1962 – 1966). Cả nền kinh tế Hàn Quốc nằm dưới sự chỉ đạo của Park thông qua Ủy ban kế hoạch kinh tế (EPB), nơi ban hành kế hoạch phát triển kinh tế và điều phối ngân sách quốc gia.

Tuy nhiên, những cố gắng bước đầu của chính quyền Park vẫn chưa hiệu quả, gần như không đạt được những chỉ tiêu cơ bản. Các nhà đầu tư nước ngoài vẫn không đánh giá Hàn Quốc là một địa chỉ có triển vọng tốt. Bên cạnh đó, “mặc dù xuất khẩu hàng hóa đã tăng trưởng mạnh kể từ năm 1959, Hàn Quốc đã bắt đầu từ một nền tảng quá thấp và mãi cho đến năm 1963 thì (xuất khẩu hàng hóa) mới trở nên quan trọng, tổng cộng hơn 87 triệu dollar hoặc khoảng 3,3% GNP”<sup>4</sup>. Nguyên nhân chính là do thiếu vốn, biểu hiện qua việc “tài sản ngoại hối của Hàn Quốc, dù đã có tăng vào năm 1960, đã dần giảm xuống trong thời gian từ năm 1961 đến năm 1963 vì sự suy giảm trong viện trợ của Hoa Kỳ và những chính sách bành trướng của chính quyền quân sự”<sup>5</sup>. Mặt khác là những hạn chế về kỹ thuật - công nghệ, nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa đất nước ngày càng cao...

Viện trợ từ phía Mỹ ngày càng giảm sút đặt nền kinh tế vừa mới hồi phục của Hàn Quốc trước những thử thách to lớn. Viện trợ giảm cũng đồng thời đe dọa sự tồn tại của chính quyền Park Chung Hee vì viện trợ từ lâu đã đóng vai trò chi phối nền chính trị của quốc gia này. Từ năm 1957 đến năm 1961, “viện trợ kinh tế của Hoa Kỳ dành cho Hàn Quốc giảm từ 382 triệu USD xuống còn 192,8 triệu USD mỗi năm. Chính sự cắt giảm viện trợ này đã gây ra sự suy thoái của kinh tế Hàn Quốc cuối thập niên 50 của thế kỷ XX và khiến chính quyền của Rhee phải ra đi và chính quyền của Chang Myon tồn tại không được lâu”<sup>6</sup>. Đến giai đoạn Park Chung Hee cầm quyền, viện trợ của Mỹ ngày càng giảm, chỉ còn chiếm 1% - 3% GNP Hàn Quốc, thể hiện rõ từ giữa những năm 60. Thậm chí đã có lúc Mỹ còn dọa cắt viện trợ.

Không nhận được ưu đãi từ viện trợ, Hàn Quốc buộc phải tìm kiếm nguồn vốn thông qua việc vay nợ và thu hút đầu tư trực tiếp (FDI), chủ yếu là từ Nhật Bản và Mỹ. Trong hai hình thức thu hút vốn nước ngoài, Hàn Quốc chú trọng nhiều vào việc vay nợ. Ở Hàn Quốc từ năm 1959 đến năm 1970, “toàn bộ tiền đưa từ bên ngoài vào là 3,7 tỷ USD, nhưng đã có 3,4 tỷ là tiền vay”<sup>7</sup> mà chủ yếu là vay nợ từ Mỹ. Hàn Quốc hiểu rõ nguy cơ từ những khoản vay khổng lồ này và muốn có một nguồn vốn khác an toàn và tự chủ hơn. Park Chung Hee là người hiểu rõ điều này khi ông cho rằng: “Chúng ta cần tiền hơn bất cứ thứ gì khác”<sup>8</sup>. Rõ ràng, Hàn Quốc cần một cơ sở phát triển kinh tế nội địa, đặc biệt là một liều doping kinh tế.

---

<sup>4</sup>National Bureau of Economic Research (1975). *Foreign Trade Regimes and Economic Development: South Korea*, NBER, p.18.

<sup>5</sup> National Bureau of Economic Research (1975). Sđd, p.1.

<sup>6</sup> Iain Pirie (2004). Sđd, p.66.

<sup>7</sup> Bùi Thị Kim Huệ (2010). *Quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ (1961 -1993)*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Huế, tr. 73.

<sup>8</sup> Kim Hyung-A (2004). *Korea's Development under Park Chung Hee: Rapid Industrialization, 1961-1979*, p.94

## 1.2. Quyết định gửi quân sang tham chiến tại Việt Nam của Hàn Quốc

Thách thức to lớn trong nước đã góp phần thúc đẩy giới cầm quyền Hàn Quốc nảy sinh ý đồ gửi quân phối hợp cùng với Mỹ tham chiến ở một quốc gia bên ngoài để đổi lại những lợi ích kinh tế từ siêu cường này. Toan tính này đã tồn tại khá sớm: từ đầu năm 1954, chính phủ Syn Man Rhee đã muốn gửi quân sang chiến trường Đông Dương để tham gia “*chống cộng*”<sup>9</sup>. Tư duy “*điều hâu*” này xuất phát một phần từ sự ám ảnh của cuộc chiến tranh Triều Tiên kích thích Hàn Quốc tin vào học thuyết Domino và vì họ đã nhận ra một cơ hội hiếm có để cải thiện và phát triển kinh tế của đất nước mình. Nhiều tài liệu chứng minh Park Chung Hee sớm có ý đồ gửi quân sang chiến trường Nam Việt Nam để nhận được sự hậu thuẫn trong phát triển kinh tế từ phía Washington. Biên bản ghi nhớ một trong những chuyến thăm cấp nhà nước lần đầu tiên của chính phủ Hàn Quốc tới thủ đô Washington vào tháng 10/1961 đã cho thấy ý đồ của Park khi ông được Tổng thống John F.Kenedy hỏi ý kiến về vấn đề Việt Nam tại Nhà Trắng: “*Hàn Quốc có cả triệu quân được huấn luyện kỹ càng cho kiểu chiến tranh này (chiến tranh du kích)... Với sự ủng hộ và giúp đỡ của Hoa Kỳ, Hàn Quốc sẽ gửi quân của chính mình tới Việt Nam hoặc động viên thêm lính tình nguyện nếu quân thường trực chưa đủ*”<sup>10</sup> và rằng Hàn Quốc sẵn sàng gửi ngay quân tới miền Nam Việt Nam “*nếu được yêu cầu*”<sup>11</sup>. Cuộc trao đổi trên cho thấy lý do kinh tế có vị trí rất quan trọng khi Park mặc cả để Hàn Quốc có thể nhận được ngoại lệ riêng trong chính sách “*Mua hàng Mỹ*” ở miền Nam Việt Nam (Một trong những điều kiện để chính quyền Sài Gòn nhận được viện trợ của Mỹ là tiền viện trợ chỉ được dùng mua hàng hóa của Mỹ và qui định 90% hàng hóa viện trợ của Mỹ cho chính quyền Sài Gòn phải là hàng hóa có xuất xứ từ Mỹ). Song John F.Kenedy đã từ chối đề nghị này, dù rằng Park Chung Hee đã kiên trì gợi ý.

Vào tháng 3/1963, trong một cuộc gặp với các quan chức chủ chốt của chính phủ, Park tuyên bố rằng “*Trong trường hợp Hoa Kỳ yêu cầu gửi quân tới Việt Nam*” ông ta sẽ “*biết ơn (việc này) vì cả hai lý do kinh tế và an ninh*”<sup>12</sup>. Cơ hội của Hàn Quốc đã đến khi tại một cuộc họp báo vào cuối tháng 4 năm 1964, Tổng thống Johnson trình bày lần đầu tiên chính sách “*Thêm cờ*” (*More Flags* hay *Many Flags*) kêu gọi sự hỗ trợ về mặt quân sự từ các đồng minh cho cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Sau đó Ngoại trưởng Mỹ Dean Rusk đã chính thức đánh điện đi khắp thế giới vào ngày 1/5/1964<sup>13</sup>. Tiếp đến, Đại sứ Hàn Quốc tại Mỹ Kim Chung-yul đã nhận được chỉ thị đặc biệt từ Park Chung Hee thông qua đại sứ Hàn Quốc tại Cộng hòa Liên bang Đức Choi Duk Shin lúc này đang ở thăm Washington yêu cầu Kim Chung Yul “*nhân*

<sup>9</sup> Robert Larsen, James Lawton Collins (1985). *Allied Participation in Vietnam*, Department of the Army, Washington, D.C, p.120.

<sup>10</sup> Memorandum of Conversation (14/10/1961). *National Security Files*, Countries Series, Korea, Park Visit, 11/61-12/61.

<sup>11</sup> . Byung-Kook Kim, Pyông-guk Kim, Ezra F Vogel (2011). *The Park Chung Hee Era: The Transformation of South Korea*, Harvard University Press, p.409

<sup>12</sup> Byung-Kook Kim, Pyông-guk Kim, Ezra F Vogel (2011). Sđd, p.409.

<sup>13</sup> Sylvia Ellis (2004). *Britain, America, and the Vietnam War*, p.5 và Byung-Kook Kim, Pyông-guk Kim, Ezra F Vogel (2011), Sđd, p.409.

manh tâm quan trọng của bảo vệ miền Nam Việt Nam cho các quan chức cao cấp của chính phủ Hoa Kỳ và đề nghị với họ rằng chúng ta sẽ gửi quân sang Việt Nam". Tháng 7 cùng năm, trong một chuyến thăm Seoul, Thứ trưởng Ngoại giao William P. Bundy thay mặt chính phủ Mỹ lần đầu tiên chính thức kêu gọi Hàn Quốc gửi quân tham chiến tại Việt Nam<sup>14</sup>.

Tuy nhiên, đáp lại lời kêu gọi của Mỹ, Hàn Quốc chỉ gửi khoảng hơn 2000 người thuộc lực lượng quân y Dove Unit sang chiến trường Việt Nam. Hành động "khiêm tốn" này là kết quả của việc Park đã vấp phải sự phản đối từ chính trong nước do mâu thuẫn giữa việc gửi binh sĩ ra nước ngoài chiến đấu với sự thiếu hụt lực lượng phòng thủ đất nước. Đồng thời, Hàn Quốc đã tìm cách mặc cả để nâng cấp Hiệp ước phòng thủ chung Hàn Quốc – Hoa Kỳ năm 1954 theo hướng hai bên sẽ tự động hỗ trợ lẫn nhau trong trường hợp bị tấn công, tức là như Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương<sup>15</sup>. Mỹ không chấp thuận mong muốn này của Hàn Quốc, đồng thời mạnh mẽ lên tiếng đòi hỏi Hàn Quốc phải góp mặt ở chiến trường miền Nam Việt Nam. Mỹ đã vừa tiến hành kêu gọi lần thứ hai vào tháng 12/1964 vừa tìm cách gây áp lực với Hàn Quốc về mặt an ninh quốc gia. Điều này được phản ánh trong phát biểu của Park Chung Hee ba năm sau đó: "Nếu chúng tôi hồi đó không quyết định gửi quân sang miền Nam Việt Nam, tôi cho là 2 sư đoàn chiến đấu Hoa Kỳ đóng ở Hàn Quốc sẽ được gửi sang miền Nam Việt Nam... mang đến một cơ hội khác để miền Bắc (Triều Tiên) tấn công". Dù đứng trước tình hình đó, Park vẫn cứng rắn nêu ra 10 điều kiện Mỹ phải cam kết trước khi Hàn Quốc gửi quân. Các điều kiện của Park đã được phía Mỹ đồng thuận sau hơn hai tháng đàm phán mặc dù điều này đã làm Johnson phật ý. Thế nhưng, việc triển khai quân tiếp tục bị Hàn Quốc trì hoãn. Tháng 4/1965, Đặc phái viên của Tổng thống Mỹ là ông W. Averell Harriman đã tới Hàn Quốc, mang theo thư riêng của Tổng thống L. Johnson gửi cho Park Chung Hee đề nghị Hàn Quốc sớm gửi quân sang Việt Nam<sup>16</sup>. Tháng 5/1965, Park Chung Hee sang thăm Mỹ theo lời mời của Tổng thống L. Johnson và hai bên đã tiến hành thảo luận để tháo gỡ những vấn đề còn vướng mắc. Ngày 13/7/1965, Mỹ cam kết không cắt giảm quân đội đồn trú ở Nam bán đảo Triều Tiên nếu không có sự tham khảo trước ý kiến của Hàn Quốc; cấp thêm 7 triệu USD nâng cấp vũ khí cho 3 sư đoàn dự bị của Hàn Quốc cũng như hiện đại hóa toàn bộ quân đội; chia sẻ chi phí cùng với Hàn Quốc trong việc chuyển quân viễn chinh sang Việt Nam<sup>17</sup>. Một tháng sau tất cả các hoạt động ngoại giao này, 20.000 quân chiến đấu Hàn Quốc (sư đoàn Mãnh Hổ) được gửi sang Việt Nam.

Tuy nhiên, ngay sau đó, nhân chuyến thị sát chiến trường Nam Việt Nam của Bộ trưởng Quốc phòng Robert Mc.Namara vào tháng 10/1965, tướng Westmoreland đã yêu cầu Washington thúc giục Hàn Quốc gửi thêm quân chiến đấu do tình hình chiến sự leo thang. Mỹ đã buộc phải liên lạc với phía chính phủ Hàn Quốc nhằm dàn xếp cho một đợt chuyển quân mới sang chiến trường Việt Nam.

<sup>14</sup> Orlando J. Pérez (2000). *Post-invasion Panama: The Challenges of Democratization in the New World Order*, Lexington Books, p.49.

<sup>15</sup> Byung-Kook Kim, Pyông-guk Kim, Ezra F Vogel (2011). Sđd, p.414

<sup>16</sup> Orlando J. Pérez (2000). Sđd, p.49.

<sup>17</sup> Byung-Kook Kim, Pyông-guk Kim, Ezra F Vogel (2011). Sđd, p.413

Ngày 23/2/1966, Phó Tổng thống Mỹ Hubert H.Humphrey đã sang Seoul gặp Park Chung Hee để dàn xếp những bất đồng. Nhìn chung, Mỹ đã chấp nhận nhượng bộ và thỏa hiệp trước mọi yêu cầu của Hàn Quốc, chỉ trừ vấn đề nâng cấp Hiệp ước phòng thủ chung<sup>18</sup>. Dù ban đầu không thỏa mãn, phía Hàn Quốc sau đó đã buộc phải chấp nhận thực tế là vấn đề nâng cấp hiệp ước không thể đạt được nếu như không có sự chấp thuận từ Quốc hội Mỹ.

Nhằm xoa dịu đồng minh, Washington quyết định gia tăng thêm viện trợ về quân sự và kinh tế. Ngày 7/3/1966, Đại sứ Winthrop G.Brown chính thức tuyên bố 14 điểm nhượng bộ của Mỹ với Hàn Quốc để đổi lại việc Hàn Quốc gửi quân sang chiến trường Việt Nam. Tuyên bố nổi tiếng này còn có tên là "*Biên bản ghi nhớ (của) Brown*" (Brown Memorandum), sau này thường được các nhà sử học sử dụng để xác quyết tính chất "*đánh thuê*" của quân đội Park Chung Hee. Trong 14 điểm, có các nhượng bộ rất có lợi cho sự phát triển kinh tế của Hàn Quốc: Chương trình hỗ trợ quân sự (MAP) cho Hàn Quốc sẽ dừng việc mua hàng hóa Mỹ mà thay vào đó sẽ mua hàng hóa Hàn Quốc bằng đồng USD; Mỹ sẽ mua quân nhu và dịch vụ của Hàn Quốc cho quân đội Hàn Quốc nếu khả năng, kỹ năng và sản lượng sản xuất của Hàn Quốc đáp ứng được tiến độ và giá cả phía Mỹ yêu cầu; tương tự, Mỹ nhường cho Hàn Quốc sản xuất và cung ứng những vật chất và dịch vụ liên quan tới những viện trợ giúp đỡ, xây dựng và tái định cư ở Việt Nam; các nhà thầu Hàn Quốc sẽ được tạo cơ hội tham gia tái thiết miền Nam Việt Nam và công nhân, kỹ sư Hàn Quốc sẽ được đưa sang Việt Nam; Mỹ sẽ cung cấp thêm nhiều quỹ viện trợ và hỗ trợ quân sự cho Hàn Quốc và đồng thời thêm đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật (một dạng viện trợ nhân lực) cho Hàn Quốc để tăng cường xuất khẩu; Mỹ sẽ cấp thêm các khoản vay để hỗ trợ cho Hàn Quốc xuất khẩu tới Nam Việt Nam và Đông Nam Á cùng các dự án phát triển khác; ủng hộ cho Hàn Quốc sản xuất đạn dược và trang thiết bị. Ngoài ra, còn có các hỗ trợ quan trọng về mặt quân sự, như việc tăng cường phòng thủ Hàn Quốc và bao tiêu toàn bộ chi phí của lực lượng viễn chinh Hàn Quốc tại Việt Nam<sup>19</sup>. Trước những lợi ích và nhượng bộ to lớn từ phía Mỹ, Seoul đã lần thứ hai chấp thuận gửi thêm lực lượng chiến đấu sang chiến trường Nam Việt Nam vào cuối năm 1966 dù vẫn còn có những điều chưa thỏa mãn.

Lý do cho việc gửi quân sang Việt Nam được Park đưa ra trước công luận Hàn Quốc là "*chúng ta đã nhận hỗ trợ từ các quốc gia khác trong quá khứ, và bây giờ là thời khắc lịch sử để chúng ta giúp đỡ lại họ*" và Hàn Quốc "*đang trả món nợ đạo đức lịch sử cho thế giới tự do*"<sup>20</sup>. Sự hiện diện của quân đội Hàn Quốc trên chiến trường Nam Việt Nam được xem là hành động đưa quân sang nước ngoài tham chiến đầu tiên trong lịch sử đất nước Triều Tiên nói chung và lịch sử Hàn Quốc nói riêng. Lực lượng quân viễn chinh Hàn Quốc tại Việt Nam được duy trì thường trực với khoảng 2 sư đoàn hơn 47 ngàn lính, đồng nhất trong số 5 nước đồng minh, và được xem là "*những người có kinh nghiệm chiến đấu vô giá và thành thạo trong việc sử dụng vũ khí tiên tiến của Hoa Kỳ*"<sup>21</sup>. Sau khi Mỹ thất bại nặng nề trong nỗ lực không tập vào các

<sup>18</sup>Byung-Kook Kim, Pyöng-guk Kim, Ezra F Vogel (2011). Sđd, p.418.

<sup>19</sup> Joungwon Alexander Kim (1966). Sđd, p. 34.

<sup>20</sup> Joungwon Alexander Kim(1966). Sđd, pp. 28

<sup>21</sup> Jinwung Kim (2012). *A History of Korea: From "Land of the Morning Calm" to States in Conflict*,

thành phố lớn của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cuối năm 1972, dẫn tới việc ký kết Hiệp định Paris, ngày 1/3/1972, quân đội Hàn Quốc bắt đầu rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam sau 8 năm hiện diện.

**Bảng 1.** Quân đội Hàn Quốc tại chiến trường Việt Nam (1964 - 1972)

Năm	Tổng số	Quân thường trực					Thành phần khác
		Tổng	Lục quân	Hải quân	Không quân	Thủy quân lục chiến	
1964	140	140	140				
1965	20,541	20,541	15,973	261	21	4,286	
1966	45,605	45,605	40,534	722	54	4,295	
1967	48,839	48,839	41,877	735	83	6,144	
1968	49,869	49,838	42,745	785	93	6,215	31
1969	49,755	49,720	42,772	767	85	6,096	35
1970	48,510	48,478	41,503	772	107	6,096	34
1971	45,694	45,663	42,345	662	98	2,558	31
1972	37,438	37,405	36,871	411	95	28	33

Nguồn: Ministry of National Defense (2004), *Kunsa p'yŏnch'an yŏn'guso, Pe'tŭnam chŏnjaeng-gwa Han'gukkun*, p.196. Trích lại từ Remco Breuker (2009), *Korea's Forgotten War: appropriating and subverting the vietnam war in korean popular imaginings*, Korean histories, p.42.

## 2. Tác động của Chiến tranh Việt Nam đối với nền kinh tế Hàn Quốc (1965 - 1971)

Nhìn chung, những nhượng bộ trên của Mỹ đã mở ra một giai đoạn mới cho nền kinh tế Hàn Quốc trên nhiều mặt, đặc biệt là giải quyết được nhu cầu bức thiết về tư bản cho Hàn Quốc, bên cạnh đó nâng đỡ cho kinh tế của Hàn Quốc tham gia vào phân công lao động khu vực và chuyển dịch cơ cấu kinh tế hướng về xuất khẩu và tăng cường phát triển công nghiệp nặng một cách thuận lợi nhất, cụ thể là:

*Thứ nhất, việc tham gia chiến tranh Việt Nam đã góp phần giải quyết được cơn khát vốn của nền kinh tế Hàn Quốc.*

Dòng tiền quan trọng đầu tiên là nguồn ngoại tệ khổng lồ từ những lính Hàn Quốc tham chiến tại Việt Nam. Những người lính Hàn Quốc tham gia chiến tranh cùng Mỹ tại Việt Nam được quân đội Mỹ trả tới 5.000 USD trên một đầu người một năm<sup>22</sup>. Tiền lương của một binh nhất Hàn Quốc chiến đấu ở Việt Nam gấp 28 lần số tiền họ được trả ở trong nước<sup>23</sup>. Ngoài ra, Washington cũng trở lại tăng cường viện trợ kinh tế và quân sự cho Hàn Quốc với hơn 100 triệu USD mỗi năm. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1967 - 1971), việc quân đội “đánh thuê” Hàn Quốc sang xâm lược Việt Nam đã trực tiếp mang về cho quốc gia này một nguồn tài chính và lợi nhuận lên tới 2 tỷ USD<sup>24</sup>. Vấn đề tại sao người Hàn Quốc cố gắng bám trụ ở Việt Nam

Indiana University Pres, USA, p.451.

<sup>22</sup>Bong Lee (2003). *The Unfinished War: Korea*, Algora Publishing, p.235.

<sup>23</sup>Joungwon Alexander Kim (1966). *Sđđ*, p. 31.

*Tác động của chiến tranh Việt Nam đối với sự phát triển kinh tế Hàn Quốc (1965 - 1971)*

được lý giải trong một công trình như sau: “Xác nhận của bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ ra rằng chính quyền Hàn Quốc không thể rút quân ra khỏi Việt Nam vì Hàn Quốc đã được hưởng những lợi ích kinh tế khổng lồ từ việc gửi quân đội tới Việt Nam... dựa vào thống kê từ phía Hoa Kỳ, số tiền binh sĩ Hàn Quốc kiếm được ở Việt Nam là khoảng 171 triệu USD năm 1968 và 200 triệu USD năm 1969. Bên cạnh đó, có con số cho rằng hỗ trợ tài chính từ phía Hoa Kỳ cho chính quyền Hàn Quốc gửi thêm lực lượng quân sự là 200 triệu USD. So sánh với GNP của Hàn Quốc lúc đó là chưa tới 5,2 tỷ USD thì rõ ràng Hàn Quốc không thể nào rút quân ra khỏi chiến tranh Việt Nam”<sup>25</sup>. Số tiền khổng lồ này đã giúp tạo ra một lượng kiều hối to lớn, đóng góp vào sức mua của thị trường trong nước cũng như tạo ra nguồn vốn to lớn cho quá trình công nghiệp hóa. GNP đầu người của Hàn Quốc năm 1963 chỉ mới là 18,161 won thì đến năm 1968 đã là 57,713 won. “Số tiền kiếm được từ Việt Nam tính ra đạt khoảng 1,5 % GNP vào năm 1965, 2,2% năm 1966, và 3,7% từ năm 1967 đến 1969”<sup>26</sup>. Chính những ngoại tệ mạnh mà Hàn Quốc có được từ việc tham gia chiến tranh là “nguồn tài chính then chốt để đầu tư công nghiệp”<sup>27</sup>. Bên cạnh nguồn ngoại tệ chi trả cho sự có mặt của binh lính Hàn Quốc ở chiến trường Việt Nam cũng như những viện trợ kinh tế và quân sự thì Mỹ đã tạo điều kiện chính trị hết sức thuận lợi để Hàn Quốc có thể vay thêm hàng trăm triệu USD ở những tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) với lãi suất thấp và thời gian dài. Phần lớn số tiền vay nợ này Hàn Quốc đầu tư dài hạn vào phát triển công nghệ xuất khẩu<sup>28</sup>. Như vậy, vấn đề tư bản để phát triển công nghiệp phục vụ xuất khẩu đã được giải quyết một cách ổn thỏa và mang tính lâu dài.

**Bảng 2.** Tổng viện trợ kinh tế của Hoa Kỳ cho Hàn Quốc (1964 - 1968)

(Đơn vị: USD)

Năm	PL480 (viện trợ lương thực)	AID (viện trợ phát triển)
1964	60.985.000	88.346.000
1965	59.537.000	71.904.000
1966	37.951.000	65.310.000
1967	44.378.000	52.640.000
1968	55.927.000	49.929.000

Nguồn: The Bank of Korea, *Economic Statistic Yearbook 1973*, p. 214. Trích lại từ Sang-Dawn Lee (2003), *Big Brother, Little Brother: The American Influence on Korean Culture in the Lyndon B. Johnson Years*, Lexington Books, USA, p.65.

*Thứ hai, Mỹ đã mở cửa nhiều thị trường thương mại tiềm năng cho Hàn Quốc để đổi lấy việc Hàn Quốc duy trì sự hiện diện quân viễn chinh tại Việt Nam.*

<sup>24</sup>Kisung Park (2008). Sđd, p. 33.

<sup>25</sup>Remco Breuker (2009). *Korea's Forgotten War: appropriating and subverting the vietnam war in korean popular imaginings*, Korean histories, p.42.

<sup>26</sup>Sang-Dawn Lee (2003). *Big Brother, Little Brother: The American Influence on Korean Culture in the Lyndon B. Johnson Years*, Lexington Books, USA, p.51.

<sup>27</sup> Jinwung Kim (2012). *A History of Korea: From "Land of the Morning Calm" to States in Conflict*, Indiana University Pres, USA, p.451.

<sup>28</sup> Bùi Thị Kim Huệ (2010). Sđd, tr.74.



Đây là “*một sự có qua có lại (quid pro quo) cho những đội quân (Hàn Quốc) được gửi tới Việt Nam, Hoa Kỳ đồng ý nhập một tỷ lệ lớn các hàng hóa được yêu cầu để hỗ trợ cho chính quyền Sài Gòn và quân đội Hoa Kỳ đồn trú ở đây từ Hàn Quốc*”<sup>29</sup>. Thị trường tiềm năng đầu tiên được mở rộng cửa để đón hàng hóa và dịch vụ từ Hàn Quốc chính là miền Nam Việt Nam. Sản phẩm công nghiệp của Hàn Quốc bắt đầu đặt chân vào thị trường Việt Nam và ngay lập tức đóng một vai trò vô cùng quan trọng đối với chính sách công nghiệp hóa định hướng xuất khẩu của Hàn Quốc. Nhìn nhận vấn đề này, nhà nghiên cứu Iain Pirie cho rằng: “*Chính ở cái thị trường bị khổng chế không bị cạnh tranh này là nơi các công ty Hàn Quốc bắt đầu xuất khẩu sản phẩm công nghiệp với số lượng lớn. Nam Việt Nam đã chiếm tới 94,3 % xuất khẩu thép của Hàn Quốc, 51% xuất khẩu trang thiết bị vận tải, 40,8% xuất khẩu máy móc không sử dụng điện và 40,9% xuất khẩu hóa chất. Giá trị thực tế của những xuất khẩu này không chỉ là liên quan tới vấn đề tiền bạc mà còn là ở cái nền tảng cho sự thiết lập xu thế đi sâu vào công nghiệp trong những năm 70 của thế kỷ 20*”<sup>30</sup>. Hàng hóa Hàn Quốc xuất sang Việt Nam gồm những mặt hàng sau:

**Bảng 3.** Các mặt hàng xuất khẩu của Hàn Quốc sang miền Nam Việt Nam (1966 - 1967)

Mặt hàng	% so với tổng giá trị xuất khẩu sang VN	% so với tổng xuất khẩu của mặt hàng
Nông phẩm	5,19	1,31
Đồ uống	1,7	44,3
In ấn và xuất bản	1,5	32,84
Chế phẩm hóa chất	0,53	40,87
Chế phẩm thép	45,87	94,29
Máy móc không dùng điện	15,53	40,77
Trang thiết bị vận tải	9,5	51,75
Kính, đất sét, đá	3,91	32,98
Kim loại khác(ngoài sắt)	3,54	16,53

Nguồn: Seiji Naya (1971), The Viet Nam war and some aspects of its economic impact on Asian countries, *The Developing Economies*, Volume 9, Issue 1, p.43.

Thị trường béo bở tiếp theo là Mỹ cũng đã được mở thông thoáng cho các doanh nghiệp Hàn Quốc. Cuộc chiến tranh phi nghĩa ở Việt Nam đã trực tiếp tạo ra “*một môi trường có lợi cho các công ty Hàn Quốc xâm nhập vào thị trường Hoa Kỳ*”<sup>31</sup> và Hàn Quốc đã nhận được biệt lệ trong chính sách “*Mua hàng Mỹ*” của chính phủ Mỹ. Ngoài các thành công bước đầu, việc xuất khẩu qua Mỹ trong giai đoạn này đã đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập các quan hệ lâu dài giữa các cá nhân, các công ty Hàn Quốc với các cá nhân, các công ty Mỹ, điều này “*đã duy trì mức độ tương tác kinh tế luôn phát triển giữa Hàn Quốc với Hoa Kỳ trong suốt 30 năm tiếp theo và sau đó*”<sup>32</sup>. Mặc dù Mỹ phải chịu một số thiệt hại về kinh tế do sự bùng nổ

28. Iain Pirie (2004). Sđd, p.66.

<sup>30</sup>Iain Pirie (2004). Sđd, p.66.

<sup>31</sup> Iain Pirie (2004). Sđd, p.66-67 .

<sup>32</sup> Iain Pirie (2004). Sđd, p.66-67.

nhập khẩu, nhưng nhìn chung động thái rộng tay tiếp nhận hàng hóa Hàn Quốc không gây ảnh hưởng quá nhiều tới một nền kinh tế khổng lồ như Mỹ. Còn đối với Hàn Quốc, sự khởi đầu thuận lợi đó là “vàng mười” bảo chứng cho sự phát triển dài hạn của quốc gia này.

*Thứ ba, việc các thị trường tiềm năng mở cửa đã trực tiếp dẫn tới tác động đối với hoạt động xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu sản phẩm công nghiệp với sự tăng trưởng mạnh mẽ dài hạn.*

Kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1967 – 1971) của Hàn Quốc gần như phù hợp hoàn toàn với những điều kiện thuận lợi mới của nền kinh tế kể từ khi tham gia chiến tranh Việt Nam. Hàn Quốc đề ra chiến lược Công nghiệp hóa định hướng xuất khẩu (EOI), bao gồm những nội dung tập trung khuyến khích, hỗ trợ cho mục tiêu xuất khẩu. Tất cả bộ máy chính trị và kinh tế gần như hoạt động hết công suất cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa để xuất khẩu hàng hóa nhằm giữ vững những thị trường vừa được mở cửa, chủ yếu là thị trường Việt Nam Cộng hòa và Mỹ. Các số liệu cho thấy Việt Nam Cộng hòa đã nhập đến 94% tổng số thép và 52% thiết bị vận tải Hàn Quốc xuất khẩu ra bên ngoài, còn xuất khẩu của Hàn Quốc sang Mỹ từ năm 1964 – 1972 tăng 21 lần: từ 35,6 triệu tăng lên 760 triệu USD<sup>33</sup>. Bên cạnh đó, Mỹ còn dành cho các công ty Hàn Quốc nhiều hợp đồng quan trọng liên quan tới lĩnh vực cung ứng dịch vụ và xây dựng cơ bản tại miền Nam Việt Nam, tạo tiền đề cho xuất khẩu xây dựng trở thành một trong những mũi nhọn của nền kinh tế Hàn Quốc trong những thập niên tiếp theo. Nền kinh tế định hướng xuất khẩu của Hàn Quốc đã xây dựng nền móng vững chắc trong những năm tháng sự khốc liệt của chiến tranh Việt Nam đang lên đến đỉnh điểm. Rõ ràng, chiến phí và những lợi ích kinh tế mà Mỹ mang lại là những động lực quan trọng để chính phủ Hàn Quốc thực hiện được ước mơ công nghiệp hóa của mình, từ đó họ có cơ sở để độc lập, dần thoát khỏi sự phụ thuộc quá lớn về cả chính trị và kinh tế của Mỹ.

*Thứ tư, thành công từ chiến lược công nghiệp hóa định hướng xuất khẩu liên quan đến cuộc chiến tranh Việt Nam đã tác động mạnh tới cơ cấu kinh tế của Hàn Quốc với tỷ trọng công nghiệp nặng ngày càng lớn.*

Rất nhiều công trình của các học giả Hàn Quốc cũng đã chỉ ra thực tế này. Theo học giả Jiwung Kim thì: “Số tiền to lớn kiếm được từ chiến tranh Việt Nam của lính tráng và thương nhân Hàn Quốc đã có tác động quan trọng tới sự phát triển của kinh tế Hàn Quốc, khi nó đã cung cấp khẩn cấp nguồn tư bản cần thiết để chấn hưng sự phát triển công nghiệp quốc gia. Hàn Quốc đã đổ nhiều máu và nhân mạng để đặt được nền tảng thịnh vượng trong công nghiệp”<sup>34</sup>. Nhà nghiên cứu Bong Lee cũng đánh giá tương tự: “Một sự tiến triển khác tạo đà cho nền kinh tế Hàn Quốc là chiến tranh Việt Nam. ... Việc này tạo ra cho Hàn Quốc ngoại tệ mạnh để mua được nhiều hơn những máy móc và thiết bị từ nước ngoài”<sup>35</sup>. Nhiều nhà máy

---

<sup>33</sup> Kisung Park (2008). *Military authoritarian regimes and economic development: The ROK's economic take-off under Park Chung Hee*, Master's Thesis, Naval Postgraduate School, USA, p. 33 -34.

<sup>34</sup> Jiwung Kim (2012). Sđd, p.451.

<sup>35</sup> Bong Lee (2003). Sđd, p.235.

được xây dựng, xảy ra sự chuyển dịch trong cơ cấu công nghiệp, từ các ngành công nghiệp mũi nhọn đến các ngành công nghiệp thứ cấp, kéo lực lượng lao động từ nông thôn lên thành thị. Các doanh nghiệp Hàn Quốc, tiêu biểu như tập đoàn vận tải Hanjin và tập đoàn xây dựng Hyundai, đã được tạo điều kiện cò xát ở khu vực và quốc tế, từ đó xây dựng được uy tín trên thị trường quốc tế. Tập đoàn Hyundai từ uy tín có được trong hoạt động nạo vét ở khu vực đồng bằng Mekong đã trúng gói thầu xây cảng nước sâu Al Jubayl trị giá 960 triệu USD lớn nhất thế giới cho tới thời điểm đó (tương đương 5 tỷ USD ngày nay) ở Arab Saudi vào những năm 70. Từ những đồng vốn quý báu đó, họ đã tiến lên trở thành Tập đoàn Công nghiệp nặng Hyundai và đến đầu thế kỷ XXI đã trở thành tập đoàn đóng tàu lớn nhất thế giới<sup>36</sup>. Nền công nghiệp nặng của Hàn Quốc bắt đầu đi lên tầm thế giới trong thập niên 70 của thế kỷ XX với những Hanjin, Hyundai, Deawoo, Samsung... rõ ràng đã nhận được một sự tác động vô cùng sâu sắc và mạnh mẽ từ việc chính phủ Hàn Quốc quyết định cùng với Mỹ tham gia vào chiến tranh xâm lược Việt Nam. Có thể nói, cùng với hiệp ước bình thường hóa quan hệ với Nhật Bản, chiến tranh Việt Nam đã có ảnh hưởng quan trọng không chỉ đối với sự tăng tốc kinh tế vĩ mô ngắn hạn “*mà còn đóng vai trò quyết định cách Hàn Quốc trở nên hội nhập với kiến trúc kinh tế khu vực và toàn cầu*”<sup>37</sup>.

### 3. Một vài nhận xét

Thứ nhất, qua nghiên cứu sự tác động của chiến tranh Việt Nam đối với sự phát triển kinh tế Hàn Quốc trong những năm 1965-1971, có thể rút ra một số nhận xét sau: năm 1965 có lẽ là một năm bước ngoặt trong lịch sử Hàn Quốc. Đây là năm lực lượng quân sự Hàn Quốc chính thức tham chiến ở Việt Nam, cũng là năm Hàn Quốc bình thường hóa quan hệ với Nhật Bản. Cả hai sự kiện trên là những nhân tố đóng vai trò không nhỏ đối với sự phát triển (mang tính hai mặt) của Hàn Quốc, trước hết là trong thập niên 60, 70 của thế kỷ trước và đồng thời đều chịu sự định hướng từ chiến lược của Mỹ. Những chuyển biến lớn trong năm 1965 ở Hàn Quốc phục vụ trực tiếp cho chiến lược toàn cầu của siêu cường này vào thời điểm đó: hình thành các liên minh quân sự đủ mạnh do Mỹ lãnh đạo để ngăn chặn “*làn sóng đỏ*”, san sẻ trách nhiệm chống cộng cho các quốc gia đồng minh nhằm giảm hao tổn về người và của cho Mỹ.

Thứ hai, quyết định gửi quân sang tham chiến ở Việt Nam của chính phủ Hàn Quốc chịu tác động từ hai phía: một mặt xuất phát từ nhu cầu bên trong của Hàn Quốc, mặt khác do những áp lực từ phía Mỹ. Trong đó, áp lực dưới thời Tổng thống Johnson đóng vai trò rất quan trọng. Những trao đổi và mặc cả trong ba năm 1964 – 1966 giữa Mỹ và Hàn Quốc đã cho thấy tính chất “*có qua có lại*” trong thỏa thuận gửi quân nhưng quan trọng hơn, Mỹ đã chấp nhận những nhượng bộ và phí tổn kinh tế để đổi lấy việc đạt được mục đích chiến lược về chính trị - quân sự: quốc tế hóa chiến tranh Việt Nam. Chính vì vậy bản thân chính phủ Mỹ đã vấp phải những công kích từ trong nội bộ do vấn đề này, đặc biệt là vào cuối những năm 60 của thế kỷ

<sup>36</sup> Bong Lee (2003). Sđd, p.236.

<sup>37</sup> Iain Pirie (2004). Sđd, p.66.

XX khi tình hình ở Việt Nam ngày càng trở nên xấu đi: “*nhiều ý kiến chỉ trích cũng nổi lên trong Quốc hội Hoa Kỳ rằng Hàn Quốc đã cố tình thu lợi từ tình hình ở Đông Dương nhằm phục vụ cho các lợi ích của bản thân. Một vài báo cáo cho Quốc hội đã thừa nhận rằng Hoa Kỳ đã cung cấp quá nhiều hỗ trợ và hàng hóa cho Hàn Quốc để đổi lấy sự can dự của Hàn Quốc vào Việt Nam*”<sup>38</sup>.

Thứ ba, cuộc chiến tranh Việt Nam không những tác động sâu sắc đến nền kinh tế mà còn đến tình hình an ninh, chính trị của Hàn Quốc trong thập niên 60 của thế kỷ trước. Về an ninh, Hàn Quốc đưa quân sang Việt Nam để đổi lấy sự bảo đảm lâu dài của quân đội Mỹ trong việc phòng thủ biên giới phía Bắc nhằm tập trung sức mạnh cho công cuộc phát triển kinh tế (đây là điểm giống với Nhật Bản). Về chính trị, đưa quân sang Việt Nam về ngắn hạn sẽ đảm bảo sự vững chắc của chế độ cầm quyền do dành được sự ủng hộ từ phía Mỹ, giải quyết được một khối mâu thuẫn đang lớn dần trong xã hội do thất nghiệp và nghèo đói.

Thứ tư, mặc dù đem lại nhiều lợi ích to lớn về kinh tế cũng như chính trị, quyết định tham chiến ở Việt Nam của Hàn Quốc đã để lại nhiều hậu quả có tính lâu dài đối với quốc gia này. Chính sách “*đổi máu lấy dollar*” trong những năm 60 đã làm dấy lên nhiều bất bình và phản đối ở Hàn Quốc khi nhiều thành phần xã hội nhận ra con em của họ phải đổ máu ở Việt Nam chủ yếu vì lợi ích của Mỹ. Hơn 15000 quân nhân Hàn Quốc đã tử trận hoặc bị thương ở chiến trường Việt Nam, một số khá đông khác bị ám ảnh bởi hội chứng chiến tranh Việt Nam cho đến hiện nay, để lại một gánh nặng xã hội không hề nhỏ. Bên cạnh đó, các vụ thảm sát dân thường Việt Nam đã để lại tai tiếng cho quân đội và chính phủ Hàn Quốc, đồng thời ảnh hưởng tiêu cực đến tình cảm giữa nhân dân hai nước cũng như quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc trong một thời gian dài, nhất là giai đoạn trước khi hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao vào tháng 12/1992.

---

<sup>38</sup> Sung Min Kim (2002). *ROK-U.S Security relations: “The China factor” and a turning point*, Master’s Thesis, Naval postgraduate school, USA, p.30.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Kim Hyung-A (2004). *Korea's Development under Park Chung Hee: Rapid Industrialization, 1961-1979*.
- [2]. 2.Remco Breuker (2009). *Korea's Forgotten War: appropriating and subverting the vietnam war in korean popular imaginings*, Korean histories
- [3]. Hoàng Văn Hiến (2008). *Quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Hàn Quốc (1961 - 1993) và kinh nghiệm đối với Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Bùi Thị Kim Huệ (2010). *Quan hệ Hàn Quốc – Hoa Kỳ (1961 -1993)*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Huế.
- [5]. Sylvia Ellis (2004). *Britain, America, and the Vietnam War*.
- [6]. Jinwung Kim (2012). *A History of Korea: From "Land of the Morning Calm" to States in Conflict*, Indiana University Press, USA.
- [7]. Sung Min Kim (2002). *ROK-U.S Security relations: "The China factor" and a turning point*, Master's Thesis, Naval postgraduate school, USA, p.30.
- [8]. Byung-Kook Kim, Pyöng-guk Kim, Ezra F Vogel (2011). *The Park Chung Hee Era: The Transformation of South Korea* , Harvard University Press.
- [9]. Robert Larsen, James Lawton Collins (1985). *Allied Participation in Vietnam* , Department of the Army, Washington, D.C.
- [10]. Bong Lee (2003). *The Unfinished War: Korea*, Algora Publishing.
- [11]. Sang-Dawn Lee (2003). *Big Brother, Little Brother: The American Influence on Korean Culture in the Lyndon B. Johnson Years* , Lexington Books, USA.
- [12]. National Bureau of Economic Research (1975). *Foreign Trade Regimes and Economic Development: South Korea*, NBER.
- [13]. Memorandum of Conversation (14/10/1961). *National Security Files*, Countries Series, Korea, Park Visit, 11/61-12/61.
- [14]. Kisung Park (2008). *Military authoritarian regimes and economic development: The ROK's economic take-off under Park Chung Hee*, Master's Thesis, Naval Postgraduate School, USA.
- [15]. Orlando J. Pérez (2000). *Post-invasion Panama: The Challenges of Democratization in the New World Order*, Lexington Books.
- [16]. Iain Pirie (2004). *The Korean Developmental State: From Dirigisme to Neo-Liberalism*, Routledge, UK.

**THE INFLUENCE OF THE VIETNAM WAR ON THE DEVELOPMENT  
OF SOUTH KOREA'S ECONOMY (1965 - 1971)**

**Hoang Van Hien, Le Nam Trung Hieu\***

*Department of History, Hue University of Sciences*

*\*Email: seta098@gmail.com*

**ABSTRACT**

*The 1960s experienced the rapid development of South Korea's economy from a nation confronting a wide range of difficulties to a center of manufacturing and exporting merchandise in the region. The rise of South Korea was the achievement caused by an active and well-prepared internal improvement process as well as influenced by many of the external factors, in which the Vietnam War played an important role as an economic catalyst. In this paper, we attempt to initially analyse short-term and long-term influences of the Vietnam war on the development of South Korea's economy in the period 1965 – 1971, which brings about a different approach in studying “miracle on the Han River”.*

**Keywords:** *Vietnam, Korean economy, economic aid, USA.*